TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phương Tín;

2. Ông Phan Văn Hòa.

- Hội thẩm nhân dân dự khuyết:

1. Ông Khưu Hán Quang;

2. Bà Phạm Quí Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Trương Võ Thùy D1 - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/HNST ngày 24/01/2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương D1, sinh năm 1967; địa chỉ: đường O, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Võ Văn D2, sinh năm 1963; địa chỉ: đường O, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI D1 VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện nhận ngày 12/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Phương D1 trình bày*:

Bà Nguyễn Thị Phương D1 và Ông Võ Văn D2 quen biết, tự tìm hiểu nhau thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/1988). Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Bà D1 nhận thấy cuộc hôn nhân giữa vợ chồng không đạt được mục đích, xác định tình cảm vợ chồng không còn và không còn liên hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Do không thể tiếp tục chung sống, Bà Nguyễn Thị Phương D1 yêu cầu được ly hôn với Ông Võ Văn D2 để rõ ràng về mặt pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung gồm: Võ Minh D3 (Nam), sinh năm 1988 và Võ Thị Phương D4 (Nữ), sinh năm 1996. Hai cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09/6/2022 Bà Nguyễn Thị Phương D1 có nộp Đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Bà D1 vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện và xin bảo lưu ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

*Đối với bị đơn Ông Võ Văn D2: Theo kết quả xác minh của Công an Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/03/2022: "*Đương sự Võ Văn D2, sinh năm 1963 hiện có cư trú tại đường O, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh,..".*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho Ông Võ Văn D2 nhưng ông D2 không đến Toà án giải quyết việc ly hôn. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được. Tại các phiên tòa ông D2 cũng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: "Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên Thẩm phán chậm giao Thông báo thụ lý cho bị đơn, giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Phương D1 và Ông Võ Văn D2 chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D1 xin ly hôn với ông D2; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Ông Võ Văn D2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, ngày 09/6/2022 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

*Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Phương D1:

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà D1 và ông D2 đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân chủ yếu do cả hai bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được. Do tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành và cả hai cũng không thể hòa giải đoàn tụ gia đình, sống ly thân đã hơn 06 năm không hàn gắn được nên bà D1 mới nộp Đơn xin ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo cho ông D2 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông D2 đều vắng mặt không lý do, thể hiện ông D2 không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào những nhận định có cơ sở nêu trên và căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định: " *Khi tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*" xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương D1 được ly hôn với ông Võ Văn D2 .

- Về con chung: Các con chung là Võ Minh D3 (Nam), sinh năm 1988 và Võ Thi Phương D4 (Nữ), sinh năm 1996. Vì cả hai đều đã thành niên trên 18 tuổi nên Tòa án không đề cập giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương D1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Phương D1. Bà Nguyễn Thị Phương D1 được ly hôn với Ông Võ Văn D2.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Võ Minh D3 (Nam), sinh năm 1988 và Võ Thi Phương D4 (Nữ), sinh năm 1996 đã thành niên trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Bà Nguyễn Thị Phương D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D1 đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0019787 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Phương D1 đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương D1 và Ông Võ Văn D2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND Phường K, Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên